

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 136 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2018

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG

ĐẾN

Số: 114

Ngày: 25/01/2018

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo
Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính,
đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hà Giang năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Công văn số 5753/BNV-TCBC ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018 của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tổng số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 13/TTr-SNV ngày 08 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hà Giang năm 2018.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của cơ quan, đơn vị được giao tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật và phân cấp quản lý nhà nước của tỉnh.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra quá trình tuyển dụng, quản lý, sử dụng chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các cơ quan, đơn vị được giao năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Giám đốc Sở Tài chính tham mưu cân đối ngân sách và thực hiện việc cắt giảm kinh phí đối với các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu số lượng người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giảm trừ, tại thời điểm các trường hợp giảm trừ có quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của mỗi đơn vị, đủ để cắt giảm bằng số chỉ tiêu biên chế được giao năm 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: PVP (NC), CV NC;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT. *VT*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn



PHỤ LỤC
GIAO CHỈ TIÊU SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
ĐỐI VỚI SỞ Y TẾ NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 136/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao năm 2018						Ghi chú
		Tổng cộng	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&DL	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Hợp đồng theo ND số 68/2000/NĐ-CP	
16	Sở Y tế	4.070	3.963	0	0	63	44	Giảm 126 chỉ tiêu, trong đó: 116 sự nghiệp y tế, 07 sự nghiệp GD&ĐT, 03 hợp đồng 68
16.1	Các đơn vị tuyến tỉnh	1.145	1.066	0	0	63	16	
1.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	505	503				2	Giảm 18 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.2	Bệnh viện Y dược cổ truyền	134	132				2	Giảm 01 chỉ tiêu hợp đồng 68 so với năm 2017
1.3	Bệnh viện Lao & bệnh phổi	109	107				2	Giảm 01 chỉ tiêu hợp đồng 68 so với năm 2017
1.4	Bệnh viện phục hồi chức năng	74	72				2	
1.5	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	58	58				0	Giảm 06 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.6	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	31	29				2	Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.7	Trung tâm PCSR-KST&CT	23	23					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.8	Trung tâm Kiểm nghiệm	29	28				1	Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.9	TT Chăm sóc sức khỏe sinh sản	27	27					Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.10	Trung tâm truyền thông GDSK	12	12					Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.11	Trung tâm Giám định Y khoa	14	13				1	Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
1.12	Trung tâm Pháp y	14	13				1	
1.13	Bệnh viện Mắt	50	49				1	
1.14	Trường Trung cấp Y tế	65				63	2	Giảm: 07 chỉ tiêu (sự nghiệp GD&ĐT) và 01 chỉ tiêu HĐ 68 so với năm 2017.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao năm 2018						Ghi chú
		Tổng cộng	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&DL	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Hợp đồng theo ND số 68/2000/NĐ-CP	
16.2	Các đơn vị tuyến huyện, thành phố	2.925	2.897	0	0	0	28	
2.1	Huyện Mèo Vạc	226	223	0	0	0	3	
a	Trung tâm Y tế huyện	32	31				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	85	83				2	Giảm 05 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Xin Cái	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Niêm Sơn	10	10					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	83	83					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
2.2	Huyện Đồng Văn	238	235	0	0	0	3	
a	Trung tâm Y tế huyện	32	31				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	85	83				2	Giảm 04 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Phố Bàng	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Lũng Phìn	10	10					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	95	95					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
2.3	Huyện Yên Minh	328	325	0	0	0	3	
a	Trung tâm Y tế huyện	33	32				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa KV Yên Minh	172	170				2	Giảm 04 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Mậu Duệ	15	15					
-	Phòng khám ĐKKV Bạch Đích	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Lũng Hồ	10	10					
f	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	5	5					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
g	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	83	83					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao năm 2018						Ghi chú
		Tổng cộng	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&DL	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Hợp đồng theo ND số 68/2000/ND-CP	
2.4	Huyện Quản Bạ	217	215	0	0	0	2	
a	Trung tâm Y tế huyện	34	33				1	Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	85	84				1	Giảm 04 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Đông Hà	11	11					
-	Phòng khám ĐKKV Tùng Vài	11	11					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	70	70					
2.5	Huyện Bắc Mê	199	197	0	0	0	2	
a	Trung tâm Y tế huyện	33	32				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	82	81				1	Giảm 05 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Minh Ngọc	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Đường Âm	10	10					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	58	58					
2.6	Huyện Hoàng Su Phì	355	352	0	0	0	3	
a	Trung tâm Y tế huyện	32	31				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa KV HSP	173	171				2	Giảm 05 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Thông Nguyên	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Nậm Dịch	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Chiến Phố	10	10					
f	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
g	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	114	114					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
2.7	Huyện Xín Mần	314	310	0	0	0	4	
a	Trung tâm Y tế huyện	33	32				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	92	91				1	Giảm 5 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Giao năm 2018						Ghi chú
		Tổng cộng	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, TT&DL	Sự nghiệp khác	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Hợp đồng theo ND số 68/2000/ND-CP	
c	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	79	77				2	
-	Phòng khám ĐKKV Ngán Chiên	10	10					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	94	94					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
2.8	Huyện Bắc Quang	409	406	0	0	0	3	
a	Trung tâm Y tế huyện	32	31				1	Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa KV Bắc Quang	224	222				2	Giảm 08 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Liên Hiệp	10	10					
-	Phòng khám ĐKKV Đồng Yên	15	15					
e	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
f	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	122	122					
2.9	Huyện Quang Bình	249	247	0	0	0	2	
a	Trung tâm Y tế huyện	34	33				1	Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	106	105				1	Giảm 04 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Xuân Giang	25	25					
d	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	6	6					
e	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	78	78					
2.10	Huyện Vị Xuyên	312	310	0	0	0	2	
a	Trung tâm Y tế huyện	31	30				1	Giảm 03 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Bệnh viện đa khoa huyện	134	133				1	Giảm 06 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
-	Phòng khám ĐKKV Bạch Ngọc	10	10					
d	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	4	4					Giảm 02 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
e	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	133	133					
2	Thành phố Hà Giang	78	77	0	0	0	1	
a	Trung tâm Y tế thành phố	33	32				1	Giảm 03 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
b	Trung tâm Dân số - KHHGĐ	5	5					Giảm 01 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017
c	Các trạm Y tế xã, phường, thị trấn	40	40					Giảm 03 chỉ tiêu (sự nghiệp Y tế) so với năm 2017